

HỘI CHỢ Ở CÁC TỈNH BẮC KỲ TRƯỚC NĂM 1945

VŨ THỊ MINH HƯƠNG*

Trên Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số II-2000, chúng tôi đã giới thiệu sự ra đời và phát triển của các triển lãm - hội chợ được tổ chức ở Hà Nội trước năm 1945 trong bài "*Triển lãm và hội chợ ở Hà Nội trước năm 1945*". Trong bài viết này, chúng tôi tiếp tục giới thiệu về hội chợ các tỉnh Bắc Kỳ trước năm 1945 nhằm góp phần tìm hiểu về chính sách thương mại nói riêng và chính sách kinh tế của Chính quyền thuộc địa Pháp ở Bắc Kỳ nói chung.

Sự ra đời hội chợ ở các tỉnh Bắc Kỳ

Sau thắng lợi rực rỡ của Hội chợ Hà Nội năm 1902, nhiều tỉnh Bắc Kỳ đã đề đạt nguyện vọng với Chính quyền thuộc địa ở các địa phương để tổ chức các hội chợ của tỉnh. Chính quyền thực dân đã ủng hộ ngay nguyện vọng của họ và ngày 15 tháng 4 năm 1903, Thống sứ Bắc Kỳ đã gửi Thông tư số 45 đến các tỉnh trưởng và Thị trưởng các thành phố Bắc Kỳ về việc lập các hội chợ. Thông tư có đoạn viết: "*Tôi nghĩ rằng việc thiết lập các hội chợ địa phương ở Bắc Kỳ có thể sẽ góp phần vào việc phát triển kinh tế của đất nước. Nếu chúng ta xác định các nguồn tài nguyên phong phú và giới thiệu nhiều khách hàng thì sẽ rất có lợi cho các địa phương ở Bắc Kỳ - nơi có thể sản xuất ra các loại hàng hóa đó thì các hội chợ này sẽ không còn mang tính chất như một cuộc thi giữa các*

vùng nữa mà sẽ tạo điều kiện tạo ra những luồng buôn bán mới, sẽ thúc đẩy người dân Bắc Kỳ mở rộng phạm vi quan hệ của mình và tăng cường trao đổi buôn bán mà giờ đây đã phần nào được thuận lợi hơn nhờ các công trình giao thông được cải thiện. Ngoài những lợi ích trên, hội chợ còn cần thiết về mặt xã hội: đời sống của một dân tộc, các phong tục, tập quán riêng luôn được thể hiện ở đây, vừa đẹp vừa có ý nghĩa giáo dục. Đây là thời điểm thích hợp để lập các hội chợ tại các trung tâm đông dân cư ở Bắc Kỳ..." (1).

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh tế mới mẻ này, ngày 29 tháng 9 năm 1903, Thống sứ Bắc Kỳ tiếp tục gửi một thông tư khác đến các thị trưởng và tỉnh trưởng các tỉnh trong đó có đoạn viết: "*Trong thông tư trước, tôi đã nêu những ưu điểm đối với người dân bản xứ trong việc lập ra các hội chợ địa phương. Hội chợ vừa được tổ chức ở Cầu Đơ đã khẳng định những suy nghĩ của tôi và cho phép chúng ta nhận thấy rằng các hội chợ đã được người dân Bắc Kỳ đón nhận và chắc chắn sẽ thu được kết quả khi người dân bản xứ hiểu rõ hơn mục đích và lợi ích của mình một khi hàng hóa dễ dàng lưu thông trên thị trường. Tôi quyết định năm tới sẽ mở tiếp hội chợ như ở tỉnh Cầu Đơ tại các tỉnh Bắc Kỳ. Nhằm khuyến khích người dân bản xứ đến các hội chợ này, tôi nghĩ rằng việc đi*

*TS. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, Hà Nội.

lại phải được tạo điều kiện thuận lợi và việc miễn các loại thuế là rất phù hợp. Chính quyền sẽ cho phép mỗi năm tổ chức một hội chợ tại một trong các tỉnh Bắc Kỳ và kéo dài nhiều nhất là 3 ngày. Trong suốt thời gian hội chợ được tổ chức, không được thu thuế chợ và các gian chợ của tỉnh đó sẽ dành cho thương nhân được tự do sử dụng..." (2).

Nhiều tỉnh Bắc Kỳ như: Bắc Cạn, Bắc Ninh, Đông Triều, Hà Nội, Hưng Hóa, Hưng Yên, Nam Định, Phù Lỗ, Phủ Lý, Quảng Yên, Sơn Tây, Tuyên Quang, Vạn Bú (nay là tỉnh Sơn La) và Vĩnh Yên đã hưởng ứng việc lập hội chợ này và mong muốn được tổ chức hội chợ riêng ở tỉnh mình.

Tại Bắc Ninh, người dân ở đây hy vọng các cuộc hội chợ sẽ đem lại nhiều lợi ích về kinh tế cho địa phương. Mặc dù tại đây đã có những phiên chợ lớn, hội tụ các thương nhân, nhà nông, nhà kỹ nghệ và chăn nuôi người bản xứ đến từ mọi nơi của tỉnh để buôn bán hàng hóa. Những phiên chợ lớn thường rất sôi nổi và ở đó được bày bán rất nhiều nông sản và sản phẩm kỹ nghệ của địa phương... Nhưng, những phiên chợ này dù rất đông cũng chưa đạt được lợi ích như một hội chợ của địa phương mà chỉ đạt được những lợi ích cá nhân của người dân khi họ trực tiếp mang đến để bán các sản phẩm của mình làm ra và mua sắm những hàng tiêu dùng với giá rẻ hơn bình thường để phục vụ đời sống thường ngày như muối, thuốc Lào...

Tại tỉnh Cầu Đơ, các quan tỉnh và nhân viên người Việt của Ban Tư vấn Kỳ mục đã bày tỏ ý kiến đồng tình về việc thiết lập các hội chợ địa phương với hy vọng nó sẽ là một nhân tố thúc đẩy các quan hệ buôn bán của Bắc Kỳ, đồng thời đề nghị mở một hội chợ tại Cầu Đơ từ ngày mồng 7 đến ngày mồng

8 tháng 8 năm 1904 nhằm mục đích "tạo điều kiện cho người dân bản xứ ở các tỉnh xa có thể đem hàng đến đây bán thay vì trước đây họ chỉ tìm cách để bán tại các chợ gần nhà mình" (3) và hy vọng những cuộc hội chợ định kỳ này sẽ được dân chúng trong tỉnh hưởng ứng vì đây là tỉnh nằm ở nút giao thông quan trọng nối giữa tỉnh lỵ với Hà Nội, Hòa Bình, Sơn Tây và Phủ Lý.

Công sứ tỉnh Hưng Hóa đã bày tỏ mong muốn lập hội chợ trong Báo cáo ngày 8 tháng 6 năm 1903: "Việc lập các hội chợ định kỳ tại các trung tâm lớn của Bắc Kỳ là một việc làm tốt đối với dân chúng ở địa phương" (4).

Công sứ tỉnh Vĩnh Yên cũng ủng hộ việc lập các hội chợ địa phương ở Bắc Kỳ: "Tôi thấy rõ ràng là người dân bản xứ sẽ nhanh chóng thấy được lợi ích của các cuộc hội chợ thương mại và kỹ nghệ địa phương. Tầm quan trọng của các cuộc triển lãm lớn như Hội chợ Hà Nội trong đó mục đích chính là tạo ra các luồng giao lưu buôn bán mới và giới thiệu các sản phẩm tới tay người mua là hoàn toàn có thể thực hiện được đối với dân chúng Bắc Kỳ. Bằng những tính chất thực tế của của mình, các cuộc hội chợ không chỉ là sự tò mò mà còn là sự quan tâm về lợi ích của người dân bản xứ. Các cuộc hội chợ lớn này sẽ đem lại những kết quả trực tiếp là tạo điều kiện và tăng cường trao đổi buôn bán..." (5).

Trong thư ngày 28 tháng 5 năm 1904, Công sứ Nam Định đã đề nghị mở hội chợ của tỉnh vì Nam Định có tiềm năng lớn: Là một trung tâm thương mại quan trọng, đông dân và nhất là có vị trí thuận lợi về giao thông với hầu hết các tỉnh Bắc Kỳ và Bắc - Trung Kỳ, do đó đây sẽ là một trong những địa điểm lý tưởng để tổ chức những hoạt động về thương mại và kỹ nghệ này (6). Trong thư có đoạn khẳng định: "Hội

chợ Nam Định sẽ là một chợ phiên lớn ở đó người ta sẽ bày và bán tất cả các sản phẩm của châu Âu và sản phẩm nội địa" (7).

Về phía các tỉnh vùng núi Bắc Kỳ, Công sứ - Chỉ huy Đạo quan binh 2 Cao Bằng đã đề nghị Thống sứ Bắc Kỳ cho mở một hội chợ định kỳ tại thị xã (thậm chí 4 hội chợ trong một năm dự định vào các ngày 15-1, 1-4, 15-10 và 1-12) nhằm thúc đẩy sản xuất, phát triển chăn nuôi và thương mại của tỉnh. Yêu cầu trên đã được Phòng Thương mại Bắc Kỳ xem xét tại phiên họp ngày 1 tháng 5 năm 1906 và trong thư ngày 28 tháng 5 năm 1906 gửi Thống sứ Bắc Kỳ, Chủ tịch Phòng Thương mại Bắc Kỳ đã khuyến khích lập hội chợ địa phương ở Cao Bằng với hy vọng đây sẽ là nhân tố phát triển lợi ích về thương mại và nông nghiệp cho khu vực.

Tại tỉnh Tuyên Quang, Công sứ Tuyên Quang đã ủng hộ việc tổ chức hội chợ ở địa phương nhằm *"ít nhất trong thời gian đầu là để thu hút người dân vùng núi với mục đích làm sao cho họ tin và đặt quan hệ với người Âu và người Việt ở vùng đồng bằng. Người dân ở đây rất hiền lành và dễ tính trong mua bán, một khi đã thân thiện với người Âu và người Việt rồi, họ sẽ không ngần ngại mang các sản phẩm, hàng hóa của họ bán với giá cao hơn mà đôi khi trước đây họ buộc phải bán ngay tại làng bản của mình" (8).*

Tuy nhiên, cũng có một số các tỉnh không đồng tình với việc mở các hội chợ địa phương như: Ninh Bình, Phù Lỗ, Phủ Lạng Thương, Phủ Lý, Vạn Bú, Yên Bái. Người dân tỉnh Vạn Bú lại đồng tình với việc lập hội chợ hai lần một năm tại Hà Nội mà không cần một hội chợ riêng cho tỉnh mình vì họ thích đi xuống vùng đồng bằng để bán các sản phẩm của mình hơn. Còn đối với tỉnh Phù Lỗ thì: *"Việc lập các hội chợ địa*

phương tại các tỉnh sẽ khó có thể thực hiện được, nhất là đối với tỉnh Phù Lỗ - tỉnh không có sản xuất kỹ nghệ mà chỉ có nông sản là lúa và hồi phần lớn đã được người dân địa phương tiêu thụ" (9). Công sứ Phủ Lạng Thương trong Báo cáo ngày 5 tháng 5 năm 1903 đã trình bày ý kiến của mình: *"Các hội chợ địa phương đã được tổ chức nhiều ở Bắc Kỳ, tại Đạo quan binh 1 và ngay cả ở Yên Thế, Nhã Nam. Kết quả không được khả quan lắm mặc dù đã được quảng cáo trước. Thực sự một làng nhỏ tuy là một đơn vị hành chính nhưng lại không phải là một trung tâm trao đổi buôn bán lớn. Mặt khác, Nhã Nam lại ở quá xa các con đường giao thông nhanh như đường sông hay đường sắt" (10).* Công sứ tỉnh Yên Bái cũng trình bày ý kiến phản đối của mình: *"Đối với các tỉnh đồng bằng hay các tỉnh miền núi đông dân thì các cuộc hội chợ là cần thiết, song Yên Bái là tỉnh có dân số ít và lâm sản cũng như các sản phẩm của địa phương rất hạn chế. Các sản phẩm này trao đổi rất dễ dàng và thuận tiện ngay tại chợ Yên Bái nên việc tổ chức hội chợ ở Yên Bái là không cần thiết..." (11).*

Trong suốt thời kỳ đầu, đa số các hội chợ được tổ chức tại các tỉnh Bắc Kỳ như Hội chợ Cầu Đơ (Hà Đông) năm 1903, Hội chợ Phủ Từ Sơn (Bắc Ninh) năm 1904, Hội chợ Nam Định năm 1904, Hội chợ Cao Bằng năm 1906... đều thu được những kết quả rất đáng khích lệ. Mãi đến năm 1918, Hội chợ Hà Nội mới chính thức được thành lập bằng Thông tư ngày 10 tháng 6 năm 1918 và qui định sẽ được tổ chức hàng năm bắt đầu từ năm 1918. Việc thành lập Hội chợ Hà Nội đã đánh dấu một mốc quan trọng trong đời sống thương mại của Bắc Kỳ: nó chấm dứt tình trạng tổ chức lộn xộn, trùng lặp của các cuộc hội chợ-triển lãm ở Bắc Kỳ và đưa hoạt động của các cuộc hội chợ vào quy chế cụ thể về cơ quan tổ chức, thời

gian, địa điểm tổ chức hội chợ cũng như qui định các loại hàng hóa đem đến các hội chợ...

Thời gian tổ chức các hội chợ ở Bắc Kỳ

Phần lớn các hội chợ ở Bắc Kỳ đều được tổ chức vào dịp cuối và đầu năm Âm lịch vì đó là vào mùa Xuân - mùa của các lễ hội. Ngoài ra, hội chợ còn được tổ chức cùng dịp với một ngày lễ tôn giáo nào đó. Đây cũng là dịp mà người dân có nhu cầu mua sắm cho ngày Tết - ngày lễ quan trọng và lớn nhất trong năm... Thông tư ngày 15 tháng 4 năm 1903 đã đề cập đến vấn đề thời gian tổ chức các cuộc hội chợ ở Bắc Kỳ là phải được tổ chức vào một thời gian nhất định trong năm, thời gian mà người dân có nhiều của cải hàng hóa nhất, và cũng không bị lệ thuộc vào công việc đồng áng. Các tháng Chạp, Giêng, Hai là khoảng thời gian thích hợp nhất. Thông tư còn nêu rõ nếu như ở Pháp các hội chợ được tổ chức đều đặn theo tầm quan trọng của các hội chợ và theo thời gian để làm sao có thể bán được nhiều hàng hóa nhất thì ở Bắc Kỳ, thời gian tổ chức các cuộc hội chợ cũng phải được niêm yết để dân chúng biết trước, và thời gian tổ chức ở mỗi tỉnh phải khác nhau để không được trùng lặp.

Tại vùng đồng bằng Bắc Kỳ, thời kỳ thu hoạch vụ Chiêm và vụ Mùa vào tháng Năm và tháng Mười là những dịp thóc gạo được mua bán trao đổi nhiều nhất. Đây chính là dịp tốt nhất để mở các hội chợ địa phương, nhưng thời gian phải được tính toán làm sao để người mua và người bán có thể đến được tất cả các hội chợ, mang hàng hóa, sản phẩm từ làng mình đến nơi tổ chức hội chợ ở trong tỉnh, sau đó lại có thể đi tiếp ngay đến một hội chợ ở tỉnh khác mà không trở về nhà nữa để đỡ tốn kém vì đường xa xa xôi. Tỉnh Bắc Giang chỉ trồng một vụ lúa

nên chỉ cần gia súc vào tháng Ba, vì vậy người nông dân thường bán gia súc của mình vào tháng Mười một, sau khi gặt vì sau đó là một thời gian dài họ không cần đến gia súc nữa. Vào thời kỳ từ tháng Bảy đến tháng Mười một là lúc mà địa phương có nhiều sản phẩm nhất nên nếu muốn tổ chức các hội chợ ở địa phương thì vào khoảng tháng Ba hoặc tháng Mười một là tốt nhất. Đối với tỉnh Sơn Tây, hội chợ có thể mở hai hoặc ba lần trong năm vào thời điểm gia súc được trao đổi mua bán nhiều nhất tức là sau vụ Mùa và một vài ngày trước Tết.

Các hội chợ ở Bắc Kỳ thường được tổ chức trong nhiều ngày do người dân bản xứ thường ngại đi lại, nhất là từ các tỉnh xa, họ không thể bỏ nhiều thời gian đi đến hội chợ để bán và mua hàng trong vài giờ. Vào thời kỳ đầu khi mới mở, các hội chợ chỉ họp trong 3 ngày, dần dần kéo dài đến 15 ngày và đặc biệt có lần kéo dài đến tận 20 ngày (như Hội chợ Hà Nội năm 1932). Các tỉnh Bắc Kỳ đã có nhiều ý kiến khác nhau về việc này như: tỉnh Vĩnh Yên đã đề nghị các hội chợ địa phương chỉ tổ chức tối đa từ 5 đến 6 ngày và vào lúc sau khi thu hoạch vụ Chiêm và vụ Mùa ít ngày. Tỉnh Nam Định thì cho rằng các hội chợ địa phương phải được mở vào lúc thời tiết thuận lợi, mát mẻ, lúc dân chúng có nhiều sản phẩm sau vụ Mùa... Tỉnh Đông Triều đề nghị mở hội chợ tại làng Văn Yên cùng dịp với ngày lễ tôn giáo, để khuyến khích giao lưu buôn bán giữa ba tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh và Hải Dương trong dịp đi lễ.

Địa điểm tổ chức hội chợ ở các tỉnh Bắc Kỳ

Địa điểm tổ chức các hội chợ phải vừa đảm bảo tính pháp lý, vừa là những nơi đã được người dân công nhận và lui tới hàng

năm, bởi vì không phải chỉ bằng một quyết định hay một nghị định là người ta có thể lập được chợ hay một hội chợ. Trong thực tế, các nhà chức trách ở các địa phương thường tôn trọng phong tục tập quán của các thương nhân người Việt ở Bắc Kỳ. Quan điểm đó đã thể hiện trong Thông tư ngày 15 tháng 4 năm 1903: "*Hội chợ có thể được tổ chức cạnh một số chùa nào đó vào những ngày qui định hàng năm để một số đông người dân có thể đến đó để bán hàng*". Theo tinh thần đó, một số hội chợ đã được tổ chức vào dịp lễ hội như vào tháng Chín tại chùa Văn Yên (Hải Dương) và vào tháng Tư tại chùa Phủ Giầy (Nam Định)...

Tại tỉnh Bắc Ninh, người ta đã chọn Phủ Từ Sơn làm địa điểm để tổ chức hội chợ của tỉnh. Trước đây, chợ được họp tại những nơi có đường sắt hoặc đường sông đi qua để các thương nhân có thể sử dụng các phương tiện đó để đi đến hội chợ cho nhanh (trong thời kỳ đầu, giá đi lại đã được giảm nhiều để thu hút người đi bằng phương tiện này). Thêm vào đó là những người bán hàng ở hội chợ không phải trả thuế chỗ ngồi hoặc thuế địa điểm buộc gia súc mang đến hội chợ.

Đối với tỉnh Đông Triều, địa điểm mà người dân địa phương lựa chọn là làng Văn Yên bởi vì tại đây vào ngày 20 tháng Tám Âm lịch hàng năm có một số lượng rất đông người dân bản xứ từ khắp nơi đến Chùa Hoàng Gia nằm ở rìa làng, cách một làng ven sông vài trăm mét cùng với hơn 500 thuyền mảnh, ngoài ra, nó còn ở vị trí giáp ranh với tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh nằm ở bên kia sông...

Xung quanh vấn đề lựa chọn địa điểm cho các hội chợ ở Bắc Kỳ, Công sứ tỉnh Hưng Hóa đã cho biết ý kiến của mình: những địa điểm thích hợp nhất trước hết là các trung tâm nằm ở chỗ tiếp giáp giữa

vùng đồng bằng và miền núi như các tỉnh: Hòa Bình, Hưng Hoá, Sơn Tây, Vĩnh Yên, Thái Nguyên, Phủ Lạng Thương, Phủ Lại... Cụ thể hơn, các hội chợ phải được tổ chức ở ngoài những địa điểm họp chợ thường, tuy nhiên có thể lựa chọn giữa hai địa điểm trên với điều kiện giao thông đi lại phải dễ dàng, thuận tiện.

Hội chợ Cầu Đơ tỉnh Hà Đông thì được tổ chức bên bờ sông Nhuệ, vì vậy thuyền tam bản và thuyền độc mộc có thể đi lại thuận lợi, tạo điều kiện cho việc chuyên chở hàng hóa và buôn bán phát triển như hai thành phố Hà Nội và Hải Phòng.

Sự phát triển của hội chợ các tỉnh Bắc Kỳ

Hệ thống giao thông gồm đường bộ, đường sắt, đường sông được mở rộng và nâng cấp đã góp phần tăng cường và phát triển các hội chợ trong các tỉnh Bắc Kỳ. Đa số các hội chợ đều đạt kết quả khả quan cả về mặt kinh tế và xã hội. Về kinh tế, các cuộc hội chợ đã đem lại những lợi ích thông qua các sản phẩm được bày bán, qua việc mua bán trao đổi hàng hóa giữa các tỉnh và các vùng... Về mặt xã hội, nền văn hóa truyền thống được thể hiện thông qua những hoạt động *phi kinh tế* thường được tổ chức trong thời gian diễn ra hội chợ-triển lãm như: các hoạt động vui chơi giải trí (hòa nhạc, xiếc, múa hát...), hoạt động từ thiện, hoạt động thể thao, ẩm thực... Các hoạt động này đã góp phần thể hiện một cách sinh động đời sống sinh hoạt hàng ngày của các thương nhân, nông dân, thể hiện một phần sắc thái văn hóa đặc trưng của các dân tộc...

Sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất, chỉ có các hội chợ ở Hà Nội được tổ chức. Cùng với Hà Nội, Nam Định là tỉnh rất tích cực trong việc tổ chức các hội chợ địa phương. Trong hai năm liền 1924 và 1925, Hội chợ

Nam Định lần thứ 3 và lần thứ 4 sau nhiều năm bị gián đoạn đã được tổ chức ở Chợ Tây, thành phố Nam Định (Hội chợ Nam Định lần thứ nhất đã được tổ chức năm 1906). Riêng năm 1925, kết quả đã đạt được hơn hẳn năm trước: *"Hội chợ lần này có 120 lán đều có người đăng ký và được sắp xếp như sau: một thương nhân Pháp ở Nam Định (Hãng Baron), một thương nhân Pháp ở Hà Nội (Hãng Nước mắm), một thương nhân Pháp ở Hải Phòng (Hãng Denis Frères), 96 thương nhân người Việt từ Nam Định, 6 người từ Thái Bình, 3 từ Ninh Bình, 4 từ Bắc Ninh, 2 từ Hưng Yên, 6 từ Hà Nội và 3 từ Hải Phòng. Tổng số doanh thu bán hàng đã đạt được tổng là 10.500 đồng không kể số tiền từ các đơn đặt hàng..."* (12). Các loại hàng hóa bày bán ở hội chợ gồm có đồ gỗ, đồ du lịch, đồ gia đình, đồ nữ trang, đồ sắt, đồ thêu, đồ đồng, hòm gỗ, ghế, giấy, đồ da, đồ khảm, nông cụ, đồ chơi, thực phẩm... Thành phố Nam Định đã quyết định từ đây, hội chợ tỉnh sẽ được tổ chức vào tháng 11 hàng năm. Trong phiên họp của Ban tổ chức Hội chợ ngày 6 tháng 12 năm 1925, toàn thể thành viên của Ban đã nhất trí thỉnh cầu lên Công sứ tỉnh Nam Định một số điểm sau: *"Xác định thời gian mở hội chợ năm sau vào giữa thời gian đầu năm Dương lịch và năm Âm lịch, vào khoảng 20 ngày trước Tết, và xác định trước thời gian hội chợ có thể sẽ kéo dài 7 ngày; làm cho hoạt động kinh tế này chỉ có tính chất thuần túy là của người bản xứ và chỉ dành một vài lán bày hàng để bán cho người Âu; dự tính các hoạt động vui chơi giải trí cho khách người lớn và trẻ em thăm quan hội chợ đồng thời phải nâng cao tầm quan trọng cho Ban canh nông bằng cách chọn một địa điểm rộng hơn..."* (13).

Trong hai năm tiếp theo, hội chợ Nam Định lần thứ 4 đã được tổ chức từ ngày 4 đến ngày 12 tháng 11 năm 1926 và lần thứ

5 từ ngày 4 đến ngày 11 tháng 11 năm 1927. Các hội chợ trên đều mang hai mục đích: *"Giới thiệu mẫu các sản phẩm chế tạo, giá cả, nơi sản xuất và tên của các thợ sản xuất chính, đồng thời hội chợ chủ yếu còn là nơi bày bán các loại hàng hóa"* (14). Cũng như các hội chợ trước đây, hội chợ lần thứ 4 và thứ 5 tỉnh Nam Định cũng diễn ra tại hai gian lớn của Chợ Tây. Vào dịp này, tất cả các sản phẩm trưng bày đều được giảm 50% giá vận chuyển bằng sà lúp của Hãng Bạch Thái Bưởi.

Năm 1933, mặc dù nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế nhưng Hội chợ Nam Định lần thứ 8 đã được tổ chức và khai mạc vào ngày 13 tháng 12 năm 1933 với sự có mặt của Bảo Đại, của Toàn quyền Đông Dương Pasquier và Thống sứ Bắc Kỳ Tholance. Ngoài sự tham gia của một số tỉnh và thành phố Bắc Kỳ còn có sự tham gia của các xứ thuộc Đông Dương như: Trung Kỳ có 3 thương nhân; Nam Kỳ và Cao Miên đã gửi các đại diện thương mại ngành xà phòng, gỗ và đá quý đến hội chợ. Đồng đảo thương nhân người Âu, người Nhật Bản, đặc biệt là các thương nhân người Hoa tham gia rất tích cực. Lúc đầu người ta chỉ dự tính dựng 160 lán nhưng về sau đã phải làm thêm hàng chục lán nữa do có nhiều đơn xin tham gia hội chợ. Các sản phẩm thủ công của Bắc Kỳ đã được bày ở hội chợ như tơ lụa, hàng thêu, ren, chiếu cói, đồ gỗ, các loại bánh, đồ sừng, đồ đồng, đồ da, tranh, đồ thủy tinh,... đã thu hút sự quan tâm đặc biệt của khách đến hội chợ. Chính vì vậy, số lượng khách vào cửa đã lên tới 120.000 người so với 65.000 người năm 1931. Doanh thu bán hàng trong thời gian hội chợ từ ngày 13 đến ngày 31 tháng 12 đã đạt được khoảng 60.000 đồng so với 54.625 đồng năm 1931 (15). Đây là kết quả của thời kỳ mà nền kinh tế còn bị ảnh hưởng

của khủng hoảng, vì thế có thể đánh giá là hội chợ đã thành công và có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển thương mại của địa phương.

Năm 1935, Hội chợ Nam Định lần thứ 9 được tổ chức từ ngày 17 tháng 11 đến ngày 1 tháng 12 và đạt kết quả cả đối với những người tổ chức lẫn những người tham dự. Các tỉnh đồng bằng Bắc Kỳ lần đầu tiên đem các sản phẩm thủ công đến hội chợ và đã thu hút sự quan tâm đặc biệt của khách tham quan, đặc biệt là các tỉnh Hà Đông, Hà Nam, Thái Bình, Ninh Bình, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên và Sơn Tây. Hội chợ có 117 người thuê lán riêng, 15 người thuê các kiốt đặc biệt và khoảng 120 gian trưng bày các sản phẩm thủ công của các tỉnh, tổng cộng là 250 lán (Hội chợ Nam Định lần thứ 8 năm 1933 là 178 lán trại). Trong số những người tham gia quan trọng nhất có Công ty Bông Bắc Kỳ, Xưởng Aviat, Hãng Ricinol, Nhà thuốc Ông Tiên và Võ Đình Dân, Hiệu kim hoàn Đức Thái và đồ gỗ hiện đại Vinh Thi... Số người vào hội chợ lên tới khoảng 95.000 người, trong đó 88.000 người mua vé vào cửa và 7.000 khách mời hoặc đã tận dụng vào hội chợ trong 3 ngày không phải mua vé. Cũng chính vì vậy mà năm đó, chỉ riêng bến phà Tân Đệ (Thái Bình) đã tăng thêm hơn 20.000 lượt người qua phà" (16).

Về doanh thu bán hàng của những người tham dự hội chợ, rất khó có thể đưa ra một con số chính xác vì nhiều người đã tìm cách che dấu hoặc nói bớt đi. Tuy nhiên qua xem xét các tờ khai doanh thu hàng ngày, ước tính tổng doanh thu của hội chợ vào khoảng 46.500 đồng (17). Thêm vào đó là doanh thu không khai báo của các thương nhân và từ các nguồn thu khác như hàng quán, khách sạn, các hãng vận tải công cộng và doanh thu ngành đường sắt...

Toàn bộ các hoạt động trên đã tận dụng cơ hội này và chỉ riêng ngành đường sắt đã thu thêm ít nhất là 3.000 đồng. Kết quả của hội chợ Nam Định lần thứ 9 có phần thấp hơn kết quả của hội chợ lần thứ 8, cụ thể trên các mặt sau:

- Số người vào hội chợ:

Lần thứ 7 (1931) có 65.000 người

Lần thứ 8 (1933) có 120.000 người

Lần thứ 9 (1935) có 95.000 người

- Doanh số bán hàng: ngoài việc không kê khai đầy đủ của các thương nhân còn có lý do giá thóc gạo và ngô hạ và đời sống khổ cực chung của người dân đã làm giảm doanh số bán hàng ở hội chợ. Số lượng lán thuê đã giảm 42 lán so với hội chợ năm 1933.

Nguyên nhân chính là do khủng hoảng kinh tế, song còn một lý do nữa là do sự cạnh tranh của các hội chợ Hải Phòng và Thanh Hóa. Từ tháng 5 người ta đã thông báo sẽ tổ chức Hội chợ Hải Phòng vào tháng 9 song cuối cùng lại tổ chức sau hội chợ Nam Định 20 ngày, còn Hội chợ Thanh Hóa thông báo sẽ tổ chức vào tháng 10 nhưng cuối cùng lại khai mạc vào ngày 14 tháng 11, tức là 3 ngày trước khi khai mạc Hội chợ Nam Định. Nhiều thương nhân muốn tham gia 2 hoặc cả 3 hội chợ. Nhiều người muốn đợi để đi hội chợ Hải Phòng (nhất là những người ở Hà Nội) và cũng muốn đi cả hội chợ Nam Định.

Hải Phòng tham gia vào hoạt động này khá muộn. Mãi tới năm 1935 hội chợ Hải Phòng lần thứ nhất mới được khai mạc từ ngày 21 tháng 12 năm 1935 đến ngày 8 tháng 1 năm 1936 và kéo dài 18 ngày. Mặc dù bị ảnh hưởng do khủng hoảng kinh tế nhưng hội chợ Hải Phòng lần đầu tiên đã thành công tốt đẹp. Mục đích của hội chợ là nhằm thức tỉnh Hải Phòng và cố gắng tìm

lại một phân hoạt động của thành phố như thời kỳ trước khủng hoảng bằng cách nối lại các quan hệ buôn bán với Trung Quốc, hoặc bằng cách giới thiệu hàng hóa sản phẩm của địa phương ra ngoài. Tham dự hội chợ lần này có đủ các xứ Đông Dương với tổng số lán là 288 gồm 189 thương nhân tham gia bày hàng. Do thiếu chỗ nên có nhiều yêu cầu thuê lán đã bị từ chối (riêng Nam Định có 10 người bị từ chối). Số lượng khách thăm hội chợ đông nhất là hai ngày 21 và 22 tháng 12. Tổng số tiền bán vé vào cửa hội chợ thu được là 5.170,29 đồng, riêng hai ngày 21 và 22 đã đạt được 1.359,50 đồng. Doanh thu bán hàng (tính riêng tiền mặt) trong khu vực hội chợ là 64.812,50 đồng. *"Nhưng thắng lợi lớn nhất của hội chợ Hải Phòng lần thứ nhất là đa số thương nhân tham gia hội chợ đã thấy được lợi ích của hội chợ là tăng cường sự hiểu biết giữa nhà sản xuất với người tiêu dùng hay với các nhà kinh doanh. Trong số đó một nhà sản xuất xi măng đã nhận được 70 đơn đặt hàng của các khách hàng mới"* (18).

Trước việc tổ chức hội chợ ở các tỉnh Bắc Kỳ trên đây, Công sứ Nam Định đã yêu cầu Toàn quyền Đông Dương can thiệp để hạn chế bớt các cuộc hội chợ ở các tỉnh và đề nghị thời gian tổ chức hội chợ phải cách nhau ít nhất là 6 tháng. Ngày 11 tháng 3 năm 1936 Thống sứ Bắc Kỳ đã trình lên Toàn quyền Đông Dương báo cáo nhằm quy định thời gian tổ chức hội chợ ở các tỉnh Bắc Kỳ, trong đó nêu rõ: *"Các báo cáo của Thị trưởng thành phố Hải Phòng, của Công sứ Nam Định đã nêu rõ việc hội chợ Thanh Hóa và hội chợ Hải Phòng đã làm ảnh hưởng đến hội chợ Nam Định. Nếu căn cứ vào thời gian tổ chức các hội chợ Hà Nội là hai năm một lần thì cần có qui định áp dụng ở phía bắc Đông Dương, bắt buộc*

các hội chợ phải tổ chức cách nhau 6 tháng nhằm hạn chế bớt số lượng hội chợ để các địa phương đều được đáp ứng nguyện vọng tổ chức hoạt động này" (19). Một thời gian sau, ngày 3 tháng 7 năm 1936, Toàn quyền Đông Dương gửi tiếp Thông tri mật đến các chủ tỉnh yêu cầu xem xét vấn đề này, thông tri có đoạn viết: *"Từ một năm nay, nhiều xứ trong Liên bang đã bị lôi cuốn vào việc mở các hội chợ, triển lãm với thời gian rất gần nhau. Do số lượng nhiều và gần nhau nên các hoạt động này trở nên hơi quá, nhất là tại một số địa phương nền kinh tế còn nghèo và các hoạt động kinh tế kiểu như vậy vượt quá khả năng của người dân"* (20).

Vấn đề trên còn được gửi đến tham khảo ý kiến của các nhà chức trách khác như Chủ tịch Phòng Thương mại Hà Nội, Giám đốc Nha kinh tế vụ và cuối cùng tất cả đã thống nhất là phải có văn bản qui định cụ thể. Giám đốc Nha kinh tế vụ đã đề nghị: Các hội chợ được tổ chức định kỳ ở Bắc Kỳ là: Hà Nội, Nam Định và Hải Phòng.

Ngoài những hội chợ ở ba thành phố quan trọng trên đây, tỉnh Hà Đông đã hai lần tổ chức triển lãm các sản phẩm địa phương như tơ lụa, ngũ cốc, sản phẩm thủ công. Theo ý kiến trên, những hoạt động như vậy đã quá đủ đối với Bắc Kỳ và theo đó, các tỉnh khác không được mở hội chợ nữa vì các hội chợ đó thực sự không đem lại lợi ích mà chỉ là gánh nặng cho dân chúng thôi" (21). Mặc dù có qui định trên nhưng không những nhiều tỉnh xứ Bắc Kỳ mà cả Trung và Nam Kỳ vẫn xin mở hội chợ ở địa phương mình. Riêng năm 1938, nhiều tỉnh và thành phố Bắc Kỳ đã xin tổ chức hội chợ - triển lãm. Bảng dưới đây cho ta thấy yêu cầu của các tỉnh Bắc Kỳ xin mở hội chợ ở địa phương mình, mục đích, ngày tổ chức và thời gian tổ chức các hội chợ trên (22) (xem bảng sau).

Hội chợ các tỉnh Bắc Kỳ năm 1938

Địa điểm	Mục đích của hội chợ triển lãm	Thời gian mở hội chợ	Thời gian kéo dài hội chợ
Bắc Giang (Chợ Thọ Châu, Phủ Lạng Thương)	Triển lãm nông sản, sản phẩm kỹ nghệ, lâm thổ sản, sản phẩm hầm mỏ và tơ tằm	16-11-1938	6 ngày
Bắc Cạn (Sân bay Bắc Cạn)	Hội chợ gia cầm	Tháng 11-1938	2 ngày
Hà Nội	Hội chợ	Tháng 11-1938	15 ngày
Hà Nam (Phủ Lý)	Hội chợ tỉnh (nông sản, tiểu kỹ nghệ, gia súc)	Cuối tháng 6-1938	4 ngày
Hà Đông (Chợ Hà Đông)	Triển lãm hàng mây tre	Đầu tháng 10-1938	3 ngày
Hưng Yên (Thị xã Hưng Yên)	Hội chợ nông nghiệp	3 - 4-12-1938	2 ngày
Lào Cai (Sa-pa)	Triển lãm các sản phẩm thủ công	15 - 16-8-1938	2 ngày
Nam Định (Thành phố Nam Định)	Hội chợ thủ công địa phương	Mùa thu năm 1938	15 ngày
Sơn La (Mộc Châu)	Hội chợ gia súc, sản phẩm địa phương	Tháng 11-1938	2 ngày
Sơn Tây (Thị xã Sơn Tây)	Hội chợ nông nghiệp, nông sản địa phương và sản phẩm thủ công	Tháng 12-1938	1 tuần
Thái Bình (Đình làng Đại, xã Phù Lưu)	Triển lãm vải dệt ở địa phương. (Có giải thưởng cho thợ giỏi)	Ngày mồng 1 tháng 3 Âm lịch	1 ngày
Cao Bằng (Thị xã Cao Bằng)	Hội chợ gia cầm	Ngày 20-11-1938	1 ngày
Hà Giang (Thị xã Hà Giang)	Hội chợ gia cầm và Triển lãm nông sản, sản phẩm thủ công và hầm mỏ.	Ngày 18-1-1938	4 ngày

Nhiều tỉnh Bắc Kỳ có mong muốn được tổ chức hội chợ riêng ở tỉnh mình song trong số các đơn xin mở hội chợ địa phương gửi lên Thống sứ Bắc Kỳ, chỉ có một số tỉnh và thành phố được phép tổ chức hội chợ là Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Giang, Cao Bằng, Hà Giang và Yên Bái.

Được sự đồng ý của Chính quyền, theo đúng kế hoạch đã đăng ký, Hội chợ-triển lãm lần đầu tiên của tỉnh Hà Giang đã được tổ chức từ ngày 19 đến ngày 23 tháng 1 năm 1938 nhằm mục đích tập trung các nguồn tài nguyên giàu có của các tỉnh biên giới phía Bắc, tập hợp các sản phẩm thủ công của các nhóm dân tộc và tạo không

khí tăng cường giao lưu buôn bán. Đây là một sự kiện chưa từng có ở vùng này và đã thu được kết quả lớn, thể hiện qua các số liệu sau: "Có 60 người tham gia bày hàng tại hội chợ trong đó 20 người đến từ vùng đồng bằng; 800 gia súc được chọn để bày ở gian hàng nông nghiệp; 800 đồng làm giải thưởng do gian hàng nông nghiệp phát; 35.000 đồng tiền doanh thu bán hàng trong đó có một thương nhân đã bán hàng ở lán của mình được 800 đồng..." (23).

Tại thành phố lớn thứ hai của Bắc Kỳ, Hội chợ Hải Phòng lần thứ 2 đã diễn ra từ ngày 18 tháng 12 năm 1937 đến ngày 2 tháng 1 năm 1938 tại khu vườn bên cạnh sông Tam Bạc. Dịp mở hội chợ cũng là thời gian khánh thành cầu Hạ Lý vừa được xây dựng tại trung tâm thành phố. Tại hội chợ giới thiệu các sản phẩm kỹ nghệ, nông sản, sản phẩm chăn nuôi của Bắc Kỳ, đồng thời còn có các sản phẩm nhập khẩu vì để thiết lập lại giao lưu buôn bán giữa Trung Quốc với Bắc Kỳ. Đa số các lán đều do các thương nhân của Hà Nội thuê (57 người), Hải Phòng có 45 lán trong khi các tỉnh khác của Bắc Kỳ như Nam Định, Hà Đông, Thái Bình, Bắc Ninh, Ninh Bình, Hải Dương, Kiến An, Hòn Gai, Móng Cái và Cao Bằng mỗi tỉnh chỉ thuê một lán. Cũng như hội chợ Hải Phòng lần thứ nhất, hội chợ lần này đã góp phần nối lại mối quan hệ buôn bán của thành phố cũng như của cảng Hải Phòng với các địa phương và các nước láng giềng.

Tại vùng trung du Bắc Kỳ, Hội chợ Bắc Giang đã được tổ chức từ ngày 24 đến ngày 29 tháng 12 năm 1938. Nhân dịp này, Ban tổ chức đã đề nghị một chương trình hoạt động vui chơi giải trí trong suốt thời gian diễn ra hội chợ. Nhiều hình thức vui chơi của các dân tộc thể hiện đặc trưng văn

hóa của địa phương đã được đưa vào như: thi vẽ đẹp các dân tộc Bắc Giang, biểu diễn nam nữ tằm trâu, bánh xe tiên, thi đèn lồng, chọi chim, vật, đánh cờ người, chọi gà... Ngoài ra còn có các hoạt động thể thao như đánh bóng bàn, đua xe đạp cùng các tiết mục múa, hát và đêm cuối cùng có bắn pháo hoa.

Tại vùng núi Bắc Kỳ, hội chợ lần đầu tiên của tỉnh Yên Bái đã được tổ chức từ ngày 18 đến ngày 20 tháng 12 năm 1938 trên một bãi đất dọc sông Hồng phía cuối thành phố. Lán được dựng cho các thương nhân thuê, trong đó có 2 người Âu, 25 người bản xứ, tổng cộng là 27 lán. Trong 4 ngày hội chợ, số người vào thăm khoảng 12.000 người Á và 150 người Âu. Ban tổ chức đã có nhiều biện pháp nhằm đảm bảo giao thông vận tải phục vụ khách một cách tốt nhất. Cũng nhân dịp này, ban tổ chức đã chuẩn bị một chương trình hoạt động vui chơi giải trí và thể thao như: múa dân tộc, đua thuyền, pháo hoa, trình diễn trang phục các dân tộc của tỉnh, thi sắc đẹp, khai mạc sân vận động thị xã, thi hát dân ca điệu trống quân, múa xòe, thi đấu bóng chày, thi chim... Trên khu đất diễn ra hội chợ, người ta thấy các dân tộc đến từ các vùng núi rừng của địa phương và từ các tỉnh biên cương: "Đại gia đình các dân tộc Dao, Thổ, Thái, Mèo, Mường, v.v... mặc các bộ trang phục dân tộc sắc sỡ màu sắc, đeo các đồ nữ trang vui vẻ đi lại trong suốt 4 ngày hội chợ. Hội chợ Yên Bái đã thu được kết quả to lớn cả về mặt kinh tế và xã hội: Nó có tác động lớn đến người dân từ làng mạc đến vùng rừng núi cao. Nó đã đem lại cho ngành hỏa xa những kết quả đáng khích lệ..." (24).

Hội chợ tỉnh Hà Giang lần thứ hai được tổ chức từ ngày 28 đến ngày 31 tháng 1

năm 1939. Mặc dù thời tiết xấu nhưng đã có 100 người Âu đã đến thăm hội chợ. Các tỉnh và các vùng đã mang các sản phẩm địa phương như nông sản, sản phẩm thủ công, trang phục quần áo dân tộc rất đẹp và phong phú đến hội chợ để trưng bày và bán. Có tới 15 nhóm dân tộc khác nhau đã đến Hà Giang. Chương trình vui chơi giải trí nhân dịp này gồm: giới thiệu các dân tộc, chiếu đèn khắp thị xã, thi đèn lồng, đua xe đạp nữ, thi bơi trên sông Thao, thi trang phục các dân tộc của tỉnh, thi quần vợt, thi đấu bóng đá, biểu diễn xiếc, các trò chơi... Hội chợ Hà Giang đã để lại cho khách thăm quan ấn tượng mạnh về sự phong phú của các loại sản phẩm hàng hóa bày ở hội chợ cũng như ấn tượng về người dân của địa phương: "*Người dân ở đây vừa phong phú bởi phong tục tập quán, vừa bởi các trang phục rất duyên rũ, rất có thẩm mỹ do sự kết hợp hài hòa giữa các màu sắc. Sự hội tụ tại hội chợ các loại áo quần này thực sự như một cuộc trình diễn đẹp mắt về trang phục... Ngoài các trang phục dân tộc, điều làm cho mọi người thích thú ở các dân tộc ở đây còn là sự chắc chắn, khỏe mạnh, vẻ vẻ đẹp cơ thể và cả sự thông minh, tính dịu dàng, nhất là ở những người phụ nữ*" (25). Đối với người dân vùng cao, hội chợ Hà Giang có ý nghĩa tạo điều kiện cho hàng ngàn người dân vùng núi từ rất xa đến không chỉ thấy được các sản phẩm mới mà còn là dịp để họ biết thị xã, tiếp xúc với người dân thành phố.

Trong thư gửi Thống sứ Bắc Kỳ ngày 26 tháng 1 năm 1939, Công sứ Hà Đông đã xin tổ chức một cuộc hội chợ-triển lãm tại tỉnh Hà Đông nhằm mục đích: "*Giới thiệu một cách đầy đủ các hoạt động tiểu thủ công nghiệp của địa phương, đồng thời lựa chọn ra mỗi loại một sản phẩm tiêu biểu nhất phù hợp với thị hiếu khách hàng*

để xét thưởng, với hy vọng sẽ góp phần động viên những người thợ thủ công và làm cho công chúng biết đến các hoạt động phong phú của kỹ nghệ gia đình của tỉnh Hà Đông" (26). Hội chợ - triển lãm tỉnh Hà Đông đã mở cửa ngày 11 tháng 3 năm 1939 đúng ngày khánh thành Sân vận động tỉnh và cũng là ngày khai trương tuyến đường xe điện Hà Nội - Hà Đông.

Từ ngày 8 đến ngày 12 tháng 11 năm 1939, Triển lãm thủ công đã được tổ chức tại Phủ Lý (Hà Nam) và thu được kết quả to lớn. Đa số các thợ thủ công và các thương nhân trong thị xã đã tham gia trưng bày hàng. Số khách đến thăm hội chợ rất đông, báo cáo hội chợ đã ghi nhận: "*Người dân nông thôn thường thích hội hè nên hội chợ năm nay đã có tới 20.000 người đến thăm các lán bày hàng và các khu thao tác các nghề thủ công. Đa số khách thăm đến từ các làng của tỉnh mặc dù giá vé vào cửa là 0,03 đồng. Có 45 lán được dựng và 100 thợ thủ công của tỉnh trưng bày hàng hóa. Dự tính tổng doanh thu là 6.000 đồng trong 5 ngày diễn ra hội chợ*" (27). Hoạt động kinh tế trên đây đã tạo điều kiện cho các thợ thủ công của tỉnh hiểu rõ hơn thị trường, và cũng là dịp hiểu rõ hơn về chất lượng sản phẩm của mình để cố gắng duy trì. Hơn nữa, hội chợ đã tạo cơ hội cho dân chúng ở vùng nông thôn thấy được sự phong phú, đa dạng các sản phẩm của địa phương mình.

Kết luận

Chiến tranh thế giới lần thứ Hai nổ ra đã làm gián đoạn việc tổ chức các hoạt động hội chợ - triển lãm ở Bắc Kỳ và chấm dứt hoạt động nở rộ của các hội chợ. Ngay cả ở Hà Nội cũng không thể tổ chức được hội chợ trong hai năm 1939 và 1940, đến năm 1941 Hội chợ Hà Nội mới được mở lại. Sự phát triển và thăng trầm của các hội

chợ ở các tỉnh Bắc Kỳ cùng với các hội chợ ở Hà Nội thời kỳ trước 1945 là một trong hàng loạt nỗ lực của Chính quyền thực dân nhằm thúc đẩy nền kinh tế thuộc địa. Nghiên cứu về hoạt động của các hội chợ - triển lãm thương mại cho ta thấy sự phát triển nhanh chóng của các hội chợ ở Bắc Kỳ, mặc dù các tỉnh đều muốn mở hội chợ hàng năm ở tỉnh mình, song không tỉnh nào duy trì được đều đặn. Các hội chợ ở các tỉnh đều bị gián đoạn và cuối cùng đi đến chỗ suy tàn. Mặt khác, việc tổ chức hội chợ không chỉ phụ thuộc vào mong muốn của địa phương nhằm tạo cơ hội gặp gỡ giữa các nhà sản xuất với khách hàng, với những người tiêu dùng mà còn phụ thuộc rất nhiều vào sự phát triển kinh tế của địa phương đó. Qua hoạt động hội chợ ở các

tỉnh cho thấy không nhất thiết mỗi tỉnh đều tổ chức riêng một hội chợ mà nên lựa chọn trong mỗi vùng một số tỉnh tiêu biểu, có nền kinh tế và sản xuất hàng hóa phong phú hơn để tổ chức hội chợ.

Thông qua hoạt động hội chợ - triển lãm, chúng ta hiểu thêm về hoạt động thương mại của Bắc Kỳ trong giai đoạn đó, thấy được phần nào sự giao lưu và trao đổi hàng hóa giữa các tỉnh Bắc Kỳ, đồng thời còn thấy được hoạt động của các thương nhân, sự trao đổi hàng hoá bên cạnh các mối quan hệ giữa con người và hàng hoá, đời sống sinh hoạt hàng ngày của những người nông dân và bản sắc văn hóa của các địa phương nơi diễn ra các hội chợ, từ vùng núi đến đồng bằng, từ trung du đến thành thị.

CHÚ THÍCH

(1). Centre des Archives d' Outre-Mer (CAOM) - GGI - 6485.

(2). CAOM-GGI-6485: Đã dẫn.

(3). Résidence supérieure au Tonkin (RST)-56717 (1903) : Foire de Cầu Do (Ha Dong).

(4). RST-75028 (1903): A/s de l'institution des foires régionales.

(5), (8), (9), (10), (11). RST-75028 (1903): A/s de l'institution des foires régionales.

(6). RST-RND-3128 (1901-1904): Organisation des foires régionales au Tonkin.

(7). RST-56719 (1904): Foire de Nam Dinh.

(12). RST-72582 (1925): Đã dẫn.

(13). Résidence de Nam Dinh (RND)-3131: 3è foire de Nam Dinh (1925).

(14). RND-3133: 4è et 5è foire de Nam Dinh (règlement) (1926-1927).

(15). RST-74250 (1933): Rapport économique de NamDinh.

(16), (17). RST-75033: Foires et Expositions dans diverses provinces du Tonkin (1936-1940).

(18). RST-75029 (1937-1938): Foire de Haiphong.

(19), (20). RST-74995 (1938-1941): Foires et Expositions (Pièces de principe).

(21), (22). RST-75033 : Đã dẫn.

(23). Catalogue officiel de la Foire de Ha Giang (1939), Hanoi, IDEO, tr. 45.

(24), (27). RST-75033: Đã dẫn.

(25). Trích từ bài "Thăm Hà Giang (Thượng Bắc Kỳ)" trong báo *L'Impartial* ngày 1-6-1939.

(26). CAOM-RSTnf-2862 (1939): Exposition artisanale de Ha Dong de 11-3-1939.